

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH TƯỜNG
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 8 năm 2022
V/v “Tranh chấp hôn nhân gia Đ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH TƯỜNG, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thành Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

Bà Đỗ Thị Phương Thúy

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh – Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Anh Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2022/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia Đ”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị H, S năm 1968, có mặt

Nơi cư trú: TDP Tân Phú, thị trấn TY, huyện HY, tỉnh Tuyên Quang

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn S, S năm 1961, có mặt

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã BS, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 6 năm 2022 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Ngô Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn S kết hôn với nhau ngày 11/11/1984, hôn nhân được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Nhân Mục, huyện HY, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống và làm việc tại huyện HY, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 1988 thì vợ chồng chuyển về công tác tại xí nghiệp vật tư, thuộc tổng công ty giấy Bãi Bằng và S sống cùng nhau tại thị trấn Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

Từ năm 2000 đến năm 2003 thì vợ chồng phát S các mâu thuẫn. Nguyên nhân một phần do ông S nghiện ma túy; cùng với đó là vợ chồng đầu tư làm ăn kinh tế bị thua lỗ, nợ nần nên cãi vã nhau, phải bán nhà, đất và các tài sản khác để trả nợ. Từ năm 2003 thì vợ chồng sống ly thân, bà đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, ông S bỏ về quê tại xã BS, huyện Vĩnh Tường S sống; năm 2016 bà về nước S sống nhưng vợ chồng vẫn không có tiếng nói chung, vẫn sống ly thân và không còn tình cảm với nhau. Bà xác định tình cảm với ông S không còn, bà xin được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông S có 03 con chung là Nguyễn Ánh Hồng, S năm 1985; Nguyễn Trường Sơn, S năm 1990 và Nguyễn Văn Đức, S năm 1995. Hiện nay cả ba con chung đều trưởng thành và có gia Đ riêng, ly hôn bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà H tự nguyện chịu nộp.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông xác nhận thời gian kết hôn, chung sống như bà H trình bày là đúng. Tuy nhiên, năm 2003, do sức khỏe không được tốt nên ông cũng thay đổi công việc chuyển từ lái xe tải sang lái xe bus, không có việc ông nghiện ma túy như bà H trình bày; khoảng năm 2014 – 2015, ông chuyển về quê nhà ở xã BS, huyện Vĩnh Tường S sống. Về phía bà H, năm 2004 đi xuất khẩu lao động đến năm 2016 mới về nước ở hẵn và cư trú ở tỉnh Tuyên Quang. Trong suốt khoảng thời gian bà H đi xuất khẩu lao động cho đến khi bà H về nước và đến nay, vợ chồng vẫn sống ly thân, cả hai đều không quan tâm, hỏi han đến nhau, mỗi lần nói chuyện ông và bà H đều xảy ra cãi vã, mâu thuẫn. Nay bà H xin ly hôn, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng ông chưa đồng ý ly hôn vì ông muốn bà H phải giải thích rõ việc bán tài sản chung của vợ chồng từ năm 2003 (thửa đất ở huyện Phù Ninh), bán được bao nhiêu tiền? Sử dụng vào việc gì? Khi nào bà H giải trình xong nội dung trên thì ông sẽ đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông xác nhận vợ chồng có 03 con chung đúng như bà H trình bày. Hiện nay các cháu đều trưởng thành, có gia Đ riêng, ly hôn ông không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ công sức: Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy

định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn còn chưa chấp hành đầy đủ (còn vắng mặt tại một số buổi làm việc).

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí.

Xử cho bà Ngô Thị H được ly hôn ông Nguyễn Văn S.

Về con chung, tài sản tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: không đề nghị giải quyết.

Về án phí: Bà H phải chịu nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Ngô Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn S. Bị đơn có nơi cư trú tại xã BS, huyện Vĩnh Tường, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường theo qui định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà H và ông S là tự nguyện, hợp pháp, có đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên quá trình chung sống đã phát S mâu thuẫn với nhau từ những năm 2000 và kéo dài đến tận thời điểm này. Các bên đã sống ly thân, không quan tâm, thăm hỏi, chăm sóc nhau từ năm 2003 đến nay. Tại phiên tòa, cả hai bên đương sự đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mong muốn được ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông S đã trầm trọng, các bên đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng nên việc bà H xin ly hôn là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

Đối với việc ông S không đồng ý ly hôn: lý do ông đưa ra là yêu cầu bà H phải giải thích việc bán tài sản chung của vợ chồng từ năm 2003 (tài sản là nhà, đất ở huyện Phù Ninh, Phú Thọ); tuy nhiên ông S không đưa ra tài liệu, chứng cứ, không có yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét. Việc ông lấy lý do này để kéo dài cuộc hôn nhân không hạnh phúc là chưa phù hợp với thực tế và pháp luật, không được HĐXX chấp nhận.

2.2. Về con chung: Bà H và ông S có ba con chung là Nguyễn Ánh Hồng, S năm 1985; Nguyễn Trường Sơn, S năm 1990 và Nguyễn Văn Đức, S năm 1995. Hiện nay các con đều trưởng thành và có gia đình riêng, ly hôn bà H, ông S không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

2.3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Bà H, ông S không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định án phí Tòa án

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Ngô Thị H và ông Nguyễn Văn S
2. Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không xem xét giải quyết.
3. Về án phí: Bà Ngô Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số: **0005546** ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Vĩnh Tường.
4. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- UBND xã Nhân Mục, Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thành Công

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- UBND xã Vĩnh Thịnh, Vĩnh Tường;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Trọng